

Bản án số: 37/2019/HS- ST

Ngày 26/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thái

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Cường

Bà: Ngô Thị Hoài

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc

Đại diện VKSND huyện Hậu Lộc tham gia phiên toà: Ông: Ngô Tiến Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 26 /6 /2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2019/TLST-HS ngày 04/6/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HS ngày 14 /6/2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Đình X - Tên gọi khác : Không - Giới tính: Nam

Sinh năm 1979, Sinh trú quán tại thôn C, xã N, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh.Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 1/12; Con ông: Trần Đình S (Đã chết) con bà Đỗ Thị X; Gia đình có 10 anh, chị em, bị cáo là con thứ 10; Vợ Nguyễn Thị H, vợ chồng có 03 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án,Tiền sự: Không

Nhân thân: Nhỏ được bố mẹ nuôi ăn học hết lớp 1 bỏ học, lao động tự do, là đối tượng nghi nghiện ma túy, lang thang không có nơi cư trú rõ ràng chưa vi phạm pháp luật.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn M- sinh năm 1982, Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh.Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Bùi Văn T (Đã chết) con bà Hòa Thị X; Gia đình có 5 anh, chị em, bị cáo là con thứ 5; Vợ Nguyễn Thị Th, vợ chồng có 1 con lớn sinh năm sinh năm 2012.

Tiền sự: Không; Tiền án: 1 tiền án Tháng 9/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản, tính đến ngày 26/3/2019 chưa chấp hành xong bản án.

Nhân thân: Bùi Văn M được sinh ra và lớn lên, học đến lớp 12/12 thì thôi học ở nhà lao động tự do và sinh sống cùng với gia đình. Quá trình sinh sống từ trước đến nay: Ngoài 01 tiền án nêu trên, ngày 30 tháng 12 năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm và ngày 02 tháng 3 năm 2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm - xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 tháng 04 ngày tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội Chống người thi hành công vụ; ngày 05/02/2015 bị Công an huyện Hậu Lộc xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Đánh nhau.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn Đ- sinh năm 1986, Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Cán bộ thôn M T; Chức vụ: B T ;. Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Ngọc H con bà Trương Thị T; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ 2; Vợ Nguyễn Thị H1, vợ chồng có 2 con lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật.

Bị tạm giữ từ ngày 27/3/ 2019 đến 29/3/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bùi Văn Ph- sinh năm 1992, Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã N, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động Tự do;. Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Bùi Văn N con bà Phạm Thị N1; Gia đình có 5 chị em, bị cáo là con thứ 1; bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật.

Bị tạm giữ từ ngày 27/3/ 2019 đến 01/4/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn S- sinh năm 1972, Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động Tự do;. Trình độ học vấn: 4/12; Con ông: Nguyễn Văn T con bà Nguyễn Thị T1 (Đều đã chết); Gia đình có 7 chị em, bị cáo là con thứ 1; Vợ Vũ Thị H, vợ chồng có 2 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1998

Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật.

Bị tạm giữ từ ngày 27/3/ 2019 đến 01/4/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Hoàng Văn M- sinh năm 1993, Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã N, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động Tự do; . Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Hoàng Văn H con bà Nguyễn Thị M; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ 2; Vợ: Bùi Trinh Th, vợ chồng có 1 con sinh năm 2017.

Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật.

Bị tạm giữ từ ngày 27/3/ 2019 đến 01/4/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Hoàng Văn Th- sinh năm 1973, Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động Tự do; . Trình độ học vấn: 0/12; Con ông: Hoàng Văn L (Đã chết) con bà Nguyễn Thị D; Gia đình có 7 anh, chị em, bị cáo là con thứ 7; Vợ Hoàng Thị O, vợ chồng có 3 con lớn sinh năm 2000 nhỏ sinh năm 2005

Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật.

Bị tạm giữ từ ngày 27/3/ 2019 đến 01/4/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Lê Thị M- sinh năm 1970, Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động Tự do; . Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Lê Văn Kh (Đã chết) con bà Nguyễn Thị T; Gia đình có 4 chị em, bị cáo là con thứ 1; Chồng: Nguyễn Đình S, vợ chồng có 4 con lớn sinh năm 1993 nhỏ sinh năm 2000.

Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật.

Bị tạm giữ từ ngày 27/3/ 2019 đến 29/3/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 26 tháng 3 năm 2019, Hoàng Văn Th, Nguyễn Văn S , Hoàng Văn M, Trần Đình X, Bùi Văn M, đến nhà Lê Thị M sinh năm 1970 ở thôn M, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa để chơi và xem bóng đá, lúc này chỉ có mình Lê Thị M ở nhà. Trong lúc ngồi uống nước, nói chuyện và xem ti vi tại phòng khách nhà Lê Thị M thì mọi người nhìn thấy có bộ bài Tú lơ khơ cũ để ở trên bàn uống nước, bộ bài này do trước đó cháu ngoại của Lê Thị M cầm theo khi đến chơi rồi để lại, nên cùng rủ nhau chơi bài được, thua bằng tiền tại nền phòng khách của nhà Lê Thị M. Vì đều là người quen và nể nang, nên Lê Thị M đồng ý cho mọi người chơi bài, còn Lê Thị M ngồi xem. Hình thức chơi bài là chơi “Liêng” bằng bài Tú lơ khơ. Mức được, thua bằng tiền là mỗi ván bài, trước khi chia bài mỗi người chơi phải đặt cược số

tiền 10.000đ (*Mười nghìn đồng*) gọi là “ Tiền đặt cửa”, “Tiền sàn” hoặc “Tiền châu” và mỗi ván bài, sau khi chia bài thì mỗi người có thể đặt cược thêm gọi là “Tổ” thêm số tiền tối đa đến 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*); người thắng ở ván bài trước được chia bài và được đặt cược thêm tiền đầu tiên của ván bài sau. Trong quá trình chơi, mọi người không phải bỏ tiền ra ngoài gọi là “Tiền hồ” cho Lê Thị M. Năm người chơi bài đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày thì có Nguyễn Văn Đ và Bùi Văn Ph đến nhà Lê Thị M chơi. Nhìn thấy mọi người đang chơi bài được, thua bằng tiền thì Nguyễn Văn Đ và Bùi Văn Ph xin chơi, rồi cùng ngồi chơi với mọi người.

Đến 00 giờ 10 phút ngày 27 tháng 3 năm 2019, tổ công tác của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hậu Lộc làm nhiệm vụ tại thôn M, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã phát hiện và lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Hoàng Văn M, Hoàng Văn Th, Trần Đình X, Bùi Văn M, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn Ph, Lê Thị M về hành vi đánh bạc và hành vi giúp sức cho việc đánh bạc; thu giữ quả tang 01 (*Một*) bộ bài Tú lơ khơ và tổng số tiền 6.700.000đ (*Sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng*) mà các đối tượng đã sử dụng để đánh bạc.

Trong quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận: Khi tham gia chơi bài được, thua bằng tiền, Hoàng Văn Th có số tiền khoảng 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng*), Nguyễn Văn S có số tiền khoảng 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*), Hoàng Văn M có số tiền khoảng 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), Trần Đình X có số tiền khoảng 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*), Bùi Văn M có số tiền khoảng 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*), Nguyễn Văn Đ có số tiền khoảng 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*), Bùi Văn Ph có số tiền khoảng 850.000đ (*Tám trăm năm mươi nghìn đồng*) đã sử dụng để đánh bạc Tổng cộng là 5.300.000đ (*Năm triệu, ba trăm nghìn đồng*). Xét thấy tổng số tiền đã thu giữ được tại chiều bài chênh lệch cao hơn so với tổng số tiền mà các đối tượng khai báo đã có khi tham gia chơi bài là 1.400.000đ (*Một triệu, bốn trăm nghìn đồng*), nhưng các đối tượng phải chịu chung trách nhiệm đối với tổng số tiền đã bị thu giữ quả tang tại chiều bài.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (*Một*) bộ bài Tú lơ khơ và số tiền 6.700.000đ (*Sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng*) hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT- VKSHL ngày 31/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc truy tố bị cáo Trần Đình X và đồng phạm về tội “ *Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Bùi Văn M và các đồng phạm, phạm tội Đánh bạc và đề nghị áp dụng hình phạt đối với các bị cáo như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 56; Điều 58 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn M từ 06 tháng đến 09 tháng tù;

tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù của bản án trước đã cho hưởng án treo thành hình phạt chung và được trừ đi thời gian bị tạm giữ trong vụ án trước 09 ngày (*Tính từ ngày 06/5/2018 đến ngày 15/5/2018*). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án này 27/3/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đình X từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 27/3/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Hoàng Văn M, Hoàng Văn Th, Nguyễn Văn S và Bùi Văn Ph mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú và gia đình các bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị M từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; được trừ đi 03 ngày bị cáo bị tạm giữ quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt từ 05 tháng 21 ngày đến 08 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Do bị cáo là người lao động tự do, không có việc làm và thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập, nhưng bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ bằng phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt tiền tính từ ngày bị cáo nhận được quyết định thi hành án.

* Hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Bùi Văn M và các đồng phạm là những người lao động tự do, không có việc làm và thu nhập ổn định, lợi ích vật chất bất chính của hành vi phạm tội không lớn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.700.000 đ (*Sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng*) và tịch thu tiêu hủy bộ bài Tú lơ khơ không còn giá trị sử dụng, là công cụ, phương tiện phạm tội, hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hậu Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1] Xét về hành vi của bị cáo:

Vào hồi 00 giờ 10 phút ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại nhà Lê Thị M ở thôn M, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa các bị cáo Hoàng Văn M, Hoàng Văn Th, Trần Đình X, Bùi Văn M, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn Ph đánh bạc trái phép bằng tiền Việt Nam đồng, dưới hình thức chơi liêng bằng bài Tú lơ khơ với tổng số tiền thu tại chiếu bạc là: 6.700.000đ (*Sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng*). Đối với Lê Thị M không trực tiếp đánh bạc, không thu tiền hồ nhưng tạo điều kiện cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình do đó phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm với vai trò giúp sức.

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Cáo trạng số 38/CT- VKSHL ngày 31/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc truy tố bị cáo Trần Đình X và đồng phạm về tội “ *Đánh bạc* ” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ vụ án:

Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng, do đó phải xử lý theo quy định của pháp luật. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có đồng phạm nhưng chưa đến mức có tổ chức. Xét vai trò của các bị cáo:

Hoàng Văn M, Hoàng Văn Th, Trần Đình X, Bùi Văn M, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn Ph là những người đã chủ động rủ nhau và cùng nhau chơi bài được, thua bằng tiền, nên đều là người thực hành và có cùng vai trò, vị trí ngang nhau. Tuy nhiên bị cáo Bùi Văn M là người có nhân thân xấu, đang có tiền án do đó phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại.

Lê Thị M tuy không trực tiếp chơi bài được, thua bằng tiền, nhưng đã đồng ý cho Trần Đình X và đồng phạm dùng bộ bài Tú lơ khơ đã có sẵn tại gia đình để chơi bài được, thua bằng tiền tại nhà của mình, nên phải chịu trách nhiệm hình sự về đồng phạm với vai trò giúp sức.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hoàng Văn M, Hoàng Văn Th, Trần Đình X, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn Ph, Lê Thị M đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là

những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Văn Đ là người có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng nhiều bằng khen, bố bị cáo là người có công với cách mạng đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v, x khoản 1,2 Điều 51 BLHS. Đối với Bùi Văn M thành khẩn khai báo, có bố, mẹ đẻ được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến và Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng khen vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là người có công với cách mạng. Đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hoàng Văn M, Hoàng Văn Th, Trần Đình X, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn Ph, Lê Thị M không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Bùi Văn M đã bị kết án, chưa chấp hành xong bản án mà phạm tội mới, nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm” đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; đồng thời, do bị cáo Bùi Văn M đã thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo, nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của vụ án này thành hình phạt chung, theo quy định tại các Điều 56, 65 Bộ luật Hình sự.

Do đó khi lượng hình cần căn cứ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của người phạm tội để áp dụng hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Xét thấy Trần Đình X là đối tượng nghiện ma túy, không có nơi cư trú rõ ràng, Bùi Văn M có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm, có nhân thân xấu do đó phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để cải tạo và giáo dục trở thành công dân có ích cho xã hội. Các bị cáo còn lại không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương, dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền cũng đủ để giáo dục thành công dân tốt.

Xét các bị cáo không có công việc làm ổn định và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[4] ***Về vật chứng vụ án:*** Số tiền 6.700.000đ thu được trong vụ án trực tiếp liên quan đến tội phạm do đó tịch thu xung vào ngân sách nhà nước. 01 bộ bài tú lơ khơ là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy.

[5] ***Về án phí:*** Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng:** Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

Tuyên bố các bị cáo Trần Đình X, , Bùi Văn M, Hoàng Văn M, Hoàng Văn Th, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn Ph, Lê Thị M phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí và Lệ phí Tòa án.

***Xử phạt:** Trần Đình X 06 tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 27/3/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56; Điều 58; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí và Lệ phí Tòa án.

*** Xử phạt:** Bùi Văn M 08 (Tám) tháng tù. Tổng hợp 12 tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” tại bản án số: 51/2018/HSST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 27/3/2019 được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 06/5/2018 đến ngày 15/5/2018 của bản án số 51/2018/HSST ngày 11/9/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1,2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí và Lệ phí Tòa án.

*** Xử phạt:** Các bị cáo Bùi Văn Ph, Nguyễn Văn S, Hoàng Văn M, Hoàng Văn Th mỗi bị cáo 6 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Bùi Văn Ph, Hoàng Văn M cho Ủy ban nhân dân xã N L, Nguyễn Văn S, Hoàng Văn Th cho Ủy ban nhân dân M L huyện Hậu Lộc giám sát trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí và Lệ phí Tòa án.

***Xử Phạt:** Lê Thị M 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 chín ngày quy đổi từ 03 ngày bị tạm giữ. thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã M L, huyện Hậu Lộc nhận được Quyết định hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã M L, huyện Hậu Lộc giám sát giáo dục trong

thời gian chấp hành án, bị cáo không có công việc làm ổn định do đó miễn khấu trừ thu nhập hành tháng cho bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí và Lệ phí Tòa án.

*** Xử phạt :** Nguyễn Văn Đ 25 triệu đồng. (Hai lăm triệu đồng). Thời hạn chấp hành hình phạt tiền tính từ ngày nhận được quyết định thi hành án.

***Xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 6.700.000đ, tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ không còn giá trị sử dụng là công cụ phạm tội. Hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc theo biên bản bàn giao ngày 31/5/2019.

***Về án phí:** Buộc các bị cáo Trần Đình X, Bùi Văn M, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn Ph, Hoàng Văn M, Hoàng Văn Th và Lê Thị M mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

*** Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.**

Nơi nhận

- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Công an huyện Hậu Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- Các bị cáo
- Cơ quan THAHS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Thái

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thái

